

CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN  
(GARMEX SAIGON)

Số/No.: 04 /CBTT-2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2022  
HoChiMinh City, Jan. 10<sup>th</sup>, 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC VÀ SGDK TP.HCM

DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE  
SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*  
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN / *GARMEX SAIGON CORPORATION*
  - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: GMC
  - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: 252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh/ *252 Nguyen Van Luong, Ward 17, GoVap District, HoChiMinh City*
  - Điện thoại/ *Telephone*: 028-39844822
  - Fax: 028 - 39844746
  - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Minh Hằng  
Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc, phụ trách Tài chính và Đầu tư
- Loại thông tin công bố :  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu  
*Information disclosure type*:  Periodic  Irregular  24 hours  On demand

**Nội dung thông tin công bố (\*)/ Content of Information disclosure (\*):**

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/NQ-HĐQT/2022 ngày 10/01/2022 về Ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 10/01/2022 tại đường dẫn : <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>

*This information was disclosed on Company's Portal on date Jan.10<sup>th</sup>, 2022 Available at: <https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/>*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

*I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*

**Nơi gửi**

- Như trên
- Lưu VP

**Đại diện tổ chức/Organization representative**  
Người UQ CBTT/Party authorized to disclose information  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN MINH HẰNG**

Số: 03 /NQ-HĐQT/2022

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2022

## NGHỊ QUYẾT

V/v: Ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán Luật số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam về ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn .
- Căn cứ Phiếu tổng hợp lấy ý kiến Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn ngày 10 / 01 /2022 về việc Ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn.

## QUYẾT NGHỊ

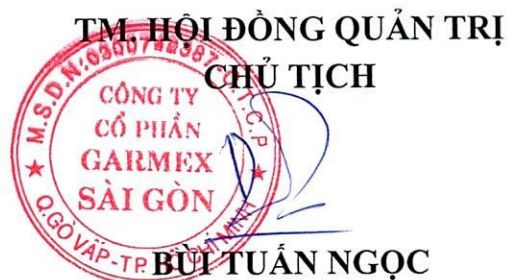
**Điều 1:** Ban hành Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn gồm 03 Chương, 12 Điều (đính kèm theo Nghị quyết)

**Điều 2:** Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này

**Điều 3:** Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn, các đối tượng công bố thông tin và các phòng ban, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu VP HĐQT





GARMEX SAIGON

## CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

252 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã số Doanh nghiệp : 0300742387

website : <https://www.garmex.vn>

Tel: 028-39844822 Fax: 028-39844746 Email : [headoffice@garmexjs.com](mailto:headoffice@garmexjs.com)



### QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN GARMEX SÀI GÒN

### NIÊM YẾT TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ban hành 10/..01/2022



## MỤC LỤC

<b>Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Tài liệu tham khảo .....	3
Điều 3. Các chữ viết tắt .....	3
Điều 4. Giải thích từ ngữ .....	4
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin .....	5
Điều 6. Phương tiện công bố thông tin .....	6
<b>Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	7
Điều 7. Quy trình thực hiện .....	7
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin .....	8
<b>Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM</b> .....	9
Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan .....	9
Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin .....	9
Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm .....	9
Điều 12. Triển khai thực hiện .....	10
<b>PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN</b> .....	11
<b>PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC</b> .....	21
<b>PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	23

# Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc công bố thông tin của Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đồng thời, quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

### 2. Đối tượng áp dụng

- a) Người công bố thông tin
- b) Các phòng ban liên quan gồm: Phòng Kế toán, Phòng Tài chính, Phòng Hành chính - Nhân sự, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế hoạch, Văn phòng Hội đồng Quản trị.
- c) Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

## Điều 2. Tài liệu tham khảo

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán Luật số: 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam về ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn.

## Điều 3. Các chữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Garmex Sài Gòn
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- IDS : Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN.
- SGDCCKHCM/HOSE : Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh
- VSD : Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- TTCKVN : Thị trường Chứng khoán Việt Nam.
- CBTT : Công bố thông tin
- HĐQT : Hội đồng quản trị.
- BKS : Ban Kiểm soát.
- KTT : Kế toán trưởng.
- BCTC : Báo cáo tài chính.
- CDL : Cổ đông lớn.
- CPQ : Cổ phiếu quỹ.
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông.

- GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- NNB : Người nội bộ.
- NCLQ : Người có liên quan
- Thông tư 96 : Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
- Nghị định 155 : Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

1. *Người nội bộ của Công ty* là:
  - Thành viên Hội đồng quản trị;
  - Thành viên Ban kiểm soát
  - Người đại diện theo Pháp luật của Công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng hoặc các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - Người phụ trách quản trị công ty, Người được ủy quyền công bố thông tin.
2. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại Điều 6 Quy chế này.
3. *Ngày báo cáo về việc công bố thông tin* là ngày Công ty gửi thông tin qua thư điện tử, ngày Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.
4. Đối với tài liệu dưới dạng văn bản: Văn bản hợp lệ là bản chính hoặc bản sao hợp lệ. Yêu cầu của văn bản hợp lệ:
  - Đối với văn bản của cá nhân: Văn bản có họ tên và chữ ký của cá nhân.
  - Đối với văn bản của tổ chức: Văn bản có xác nhận của người có thẩm quyền bao gồm: họ tên, chức vụ, chữ ký của người có thẩm quyền, đóng dấu (nếu có).
5. *Bản scan văn bản dùng CBTT* phải có đầy đủ nội dung theo quy định đối với văn bản hợp lệ có định dạng PDF.
6. *Dữ liệu điện tử dùng CBTT* là dữ liệu có định dạng word/excel/PDF (word/excel sử dụng bảng mã Unicode).
7. *Số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty* là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.
8. *Người công bố thông tin* là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.
9. *Người có liên quan<sup>1</sup>* là cá nhân, tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

<sup>1</sup> Theo quy định tại Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
  - b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
  - c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
  - d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
  - đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
  - e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
  - g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
10. *Tổ chức kiểm toán được chấp thuận* là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

#### **Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin<sup>2</sup>**

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.
2. Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Khi công bố thông tin, Đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân.
4. Việc công bố thông tin của Công ty phải do Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

<sup>2</sup> Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định như sau:
- Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty niêm yết phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
  - Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

#### Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

STT	Đối tượng tiếp nhận CBTT	Phương tiện CBTT
1	Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn	Chuyên mục về Quan hệ cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn (*) (Website: <a href="https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/">https://www.garmex.vn/vi/quan-he-co-dong/</a> )
2	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (IDS)
3	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	Hệ thống thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (ECM), Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
4	Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật trong một số trường hợp	Trang thông tin điện tử của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)
5		Báo in, Báo điện tử, v.v...

**(\*) Các quy định về trang thông tin điện tử của Công ty:**

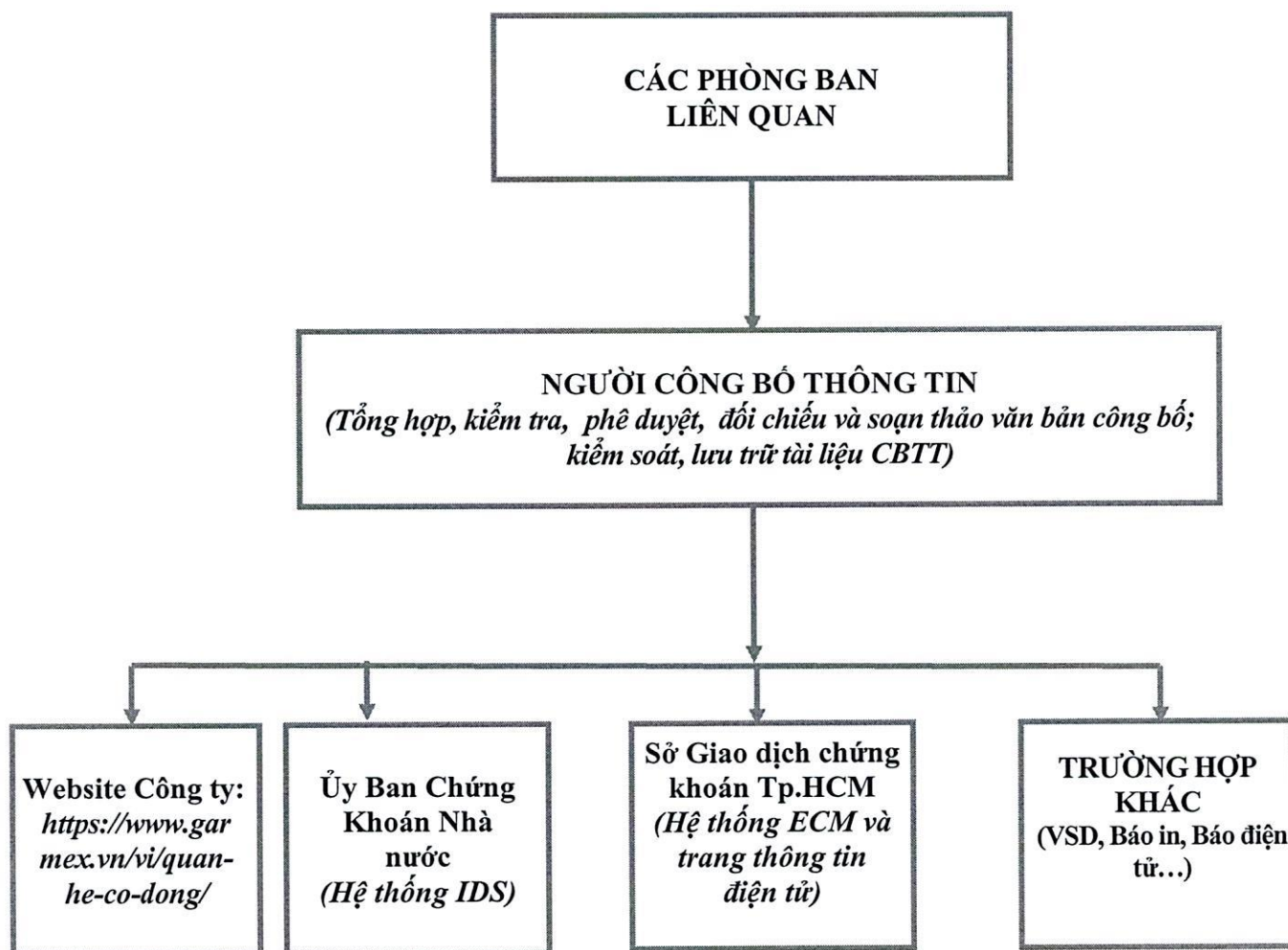
- Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ, Công ty vẫn thực hiện công bố thông tin trên Chuyên mục về Quan hệ cổ đông của Công ty vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin khác theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.
- Công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này.
- Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông, trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác.
- Trang thông tin điện tử phải hiển thị ngày đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.
- Các thông tin công bố định kỳ, bất thường hoặc theo yêu cầu phải lưu giữ trên trang thông tin điện tử của Công ty trong tối thiểu 05 năm.



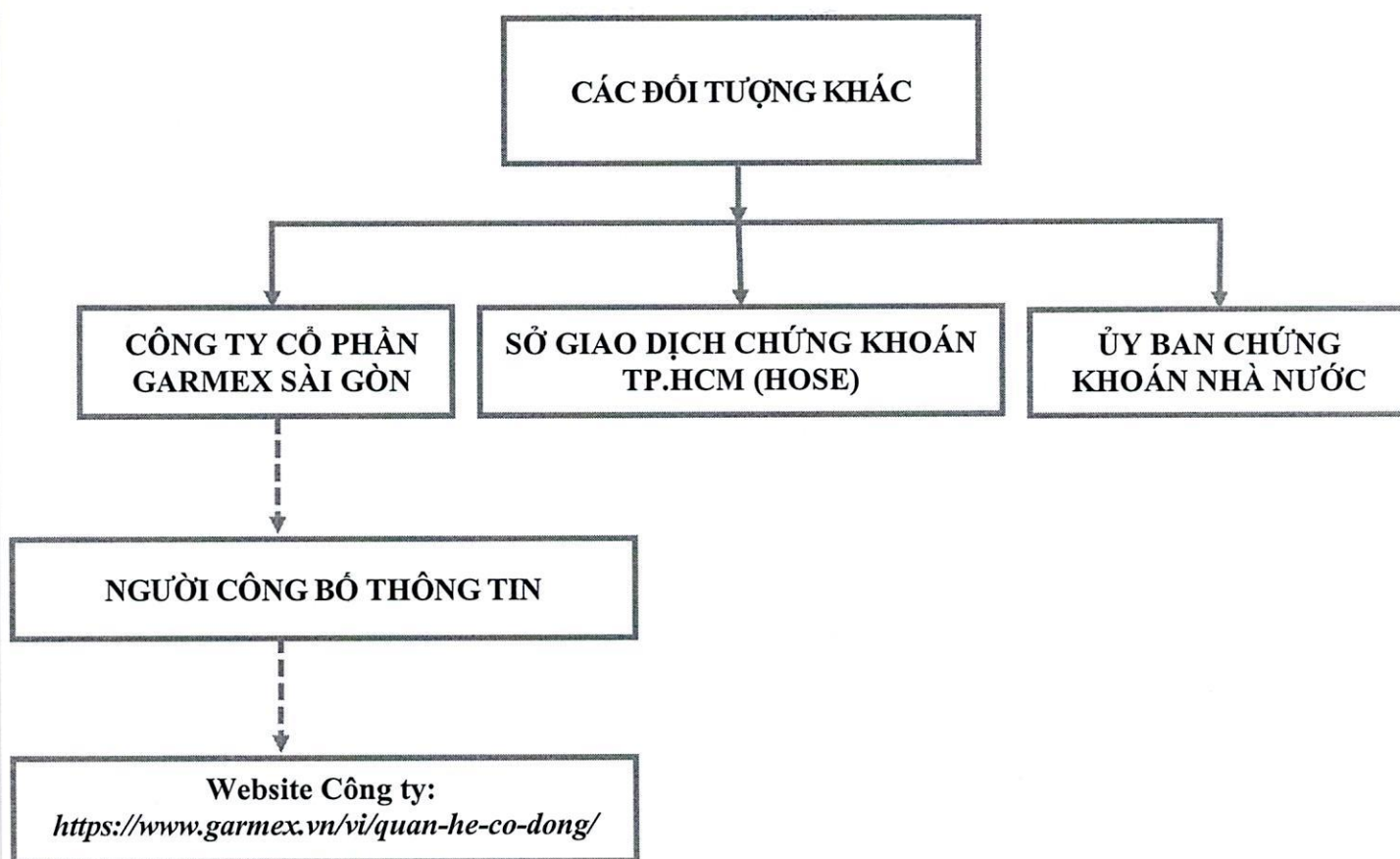
## Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 7. Quy trình thực hiện

1. Áp dụng các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 Quy chế này



## 2. Áp dụng đối với các đối tượng khác (\*\*)



**Ghi chú:** ———> : Gửi trực tiếp đến Công ty, UBCKNN và HOSE

- - -> : Người Công bố thông tin tiếp nhận thông tin từ đối tượng khác thực hiện rà soát và công bố lên Website Công ty.

(\*\*) Đối tượng khác là đối tượng Quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này gồm Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty.

### Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

1. Các phòng ban liên quan theo quy định tại Điểm a và b Khoản 2 Điều 1 thực hiện CBTT theo quy định tại **Phụ lục 1 trong Quy chế CBTT này**
2. Các đối tượng khác thực hiện CBTT theo quy định tại **Phụ lục 2 Quy chế CBTT này**

## **Chương III. TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 9. Trách nhiệm phối hợp giữa người CBTT và các phòng ban liên quan**

Công ty cổ phần Garmex Sài Gòn phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được Công ty ủy quyền công bố thông tin của Công ty:

1. Người công bố thông tin chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với UBCKNN, SGDCK, nhà đầu tư và những người có liên quan khác theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
2. Người Đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin. Công ty phải báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
3. Đối với những thông tin bất thường, thông tin cung cấp theo yêu cầu phải công bố theo quy định, các phòng ban liên quan (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm cung cấp thông tin cho Người công bố thông tin trong vòng 4 giờ kể từ khi phát sinh sự kiện công bố thông tin.
4. Người công bố thông tin phải giám sát việc công bố thông tin và báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện.

### **Điều 10. Xử lý vi phạm về công bố thông tin**

1. Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quy chế này có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.
2. Việc xử lý vi phạm về công bố thông tin được thực hiện theo Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan khác.
3. Tổng Giám đốc có quyền đưa ra các hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của mình đối với các trường hợp vi phạm về công bố thông tin.
4. Trường hợp vi phạm nghiêm trọng, vượt quá thẩm quyền giải quyết của Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc sẽ báo cáo Hội đồng quản trị xử lý vi phạm theo quy định.

### **Điều 11. Thẩm quyền xử lý vi phạm**

1. Đối với vi phạm phát sinh từ người công bố thông tin: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Đối với vi phạm phát sinh từ cá nhân trực thuộc phòng ban: Việc xử lý vi phạm sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

**Điều 12. Triển khai thực hiện**

1. Căn cứ vào nội dung Quy chế, các đối tượng có liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
3. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Chủ tịch HĐQT quyết định sau khi được Hội đồng Quản trị thông qua.

**Nơi nhận:**

- Lưu VPCT.
- BKS
- HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**BÙI TUẤN NGỌC**



**PHỤ LỤC 1: HƯỚNG DẪN CBTT CÁC PHÒNG BAN LIÊN QUAN**

Stt	Nội dung	Phòng ban cung cấp thông tin		Thời hạn công bố thông tin	Ghi chú
		Phòng ban	Thời hạn cung cấp thông tin		
<b>I</b>	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ</b>				
1	Báo cáo tài chính quý	Phòng Kế toán	Trong thời hạn <b>25 ngày</b> kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn <b>30 ngày</b> kể từ ngày kết thúc quý	- Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp - Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính đồng thời với Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán  - Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính, phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét	Phòng Kế toán	Trong thời hạn <b>01 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá <b>55 ngày</b> kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trong thời hạn <b>05 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký nhưng không được vượt quá <b>60 ngày</b> kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	
3	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Phòng Kế toán	Trong thời hạn <b>01 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký Báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá <b>85 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký Báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá <b>90 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính	
4	Giải trình Báo cáo tài chính	Phòng Kế toán	Đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	Đồng thời với Báo cáo tài chính cần giải trình	

Stt	Nội dung	Phòng ban cung cấp thông tin		Thời hạn công bố thông tin	Ghi chú
		Phòng ban	Thời hạn cung cấp thông tin		
					b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.
5	Báo cáo thường niên			Chậm nhất <b>20 ngày</b> sau ngày công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không được vượt quá <b>110 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 96
		Phòng Tài chính	Trong vòng <b>05 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký Báo cáo kiểm toán năm		Nội dung liên quan đến: - Phân tích Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán - Tình hình thực hiện các dự án đầu tư
		Phòng Hành chính - Nhân sự	Chậm nhất <b>30 ngày</b> sau khi kết thúc năm tài chính		Nội dung liên quan đến người lao động, chính sách lương, thưởng, trách nhiệm xã hội, môi trường
		Phòng Kinh doanh	Chậm nhất <b>30 ngày</b> sau khi kết thúc năm tài chính		Nội dung liên quan đến doanh số, đơn hàng, khách hàng
		Phòng Kế hoạch	Chậm nhất <b>30 ngày</b> sau khi kết thúc năm tài chính		Nội dung liên quan đến tình hình sản xuất, kế hoạch mở rộng chuyên sản xuất đáp ứng đơn hàng

Stt	Nội dung	Phòng ban cung cấp thông tin		Thời hạn công bố thông tin	Ghi chú
		Phòng ban	Thời hạn cung cấp thông tin		
		Văn phòng Hội đồng quản Trị	Chậm nhất <b>30 ngày</b> sau khi kết thúc năm tài chính		Nội dung liên quan đến quản trị Công ty
<b>6</b>	<b>Đại hội đồng cổ đông</b>				
	Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Văn phòng Hội đồng quản Trị	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua Nghị quyết	Tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng	
	Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu họp	Văn phòng Hội đồng quản Trị	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua Nghị quyết	Tối thiểu <b>21 ngày</b> trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông	
	Biên bản họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	Văn phòng Hội đồng quản Trị	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ	
<b>7</b>	Báo cáo tình hình quản trị Công ty bán niên	Văn phòng Hội đồng quản Trị	Chậm nhất <b>25 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	Chậm nhất <b>30 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	Theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96
<b>8</b>	Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm	Văn phòng Hội đồng quản Trị	Chậm nhất <b>25 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc năm	Chậm nhất <b>30 ngày</b> , kể từ ngày kết thúc năm	Theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96
<b>II</b>	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b>				
<b>1</b>	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong	Phòng Kế toán	Trong thời hạn <b>20 giờ</b>	Trong thời hạn <b>24 giờ</b>	

Stt	Nội dung	Phòng ban cung cấp thông tin		Thời hạn công bố thông tin	Ghi chú
		Phòng ban	Thời hạn cung cấp thông tin		
	tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.				
2	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Phòng Hành chính Nhân sự hoặc Kế toán	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi nhận được văn bản	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi nhận được văn bản	
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị	



Stt	Nội dung	Phòng ban cung cấp thông tin		Thời hạn công bố thông tin	Ghi chú
		Phòng ban	Thời hạn cung cấp thông tin		
	chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.				
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị	
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị hoặc ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị hoặc ĐHĐCĐ	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật).	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ	

8	Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	Phòng Kế toán	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi ký hợp đồng; hủy hợp đồng	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi ký hợp đồng; hủy hợp đồng	
9	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT	
10	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc HĐQT	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc HĐQT	
11	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi có sự thay đổi	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi có sự thay đổi	
12	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua Nghị quyết, nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua Nghị quyết, nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.	Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định

13	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét.	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua Nghị quyết.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua Nghị quyết.	
14	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty	Phòng Hành chính – Nhân sự	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được Quyết định	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được Quyết định	
15	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	Phòng Hành chính – Nhân sự hoặc Phòng kế toán	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được văn bản	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi nhận được văn bản	
16	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Phòng Hành chính – Nhân sự	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được văn bản	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi nhận được văn bản	
17	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó			Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi nhận thông tin	
18	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty			Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi xảy ra sự kiện	
19	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>04 giờ</b> kể từ khi nhận được thông báo chấp thuận	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi nhận được thông báo chấp thuận	

20	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	Văn phòng Hội đồng Quản trị	Trong thời hạn <b>20 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua Nghị quyết.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua Nghị quyết.	Các bước thực hiện CBTT để tiến hành Đại hội cổ đông bất thường như Đại hội đồng cổ đông ở khoản 6 mục I
21	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản				
	Thông báo lập danh sách cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản	Văn phòng Hội đồng quản Trị	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua Nghị quyết HĐQT	Trong vòng <b>24 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua Nghị quyết HĐQT và tối thiểu <b>20 ngày</b> trước ngày đăng ký cuối cùng	
	Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết	Văn phòng Hội đồng quản Trị	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi HĐQT thông qua nội dung Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu	Trong vòng 24 giờ kể từ khi HĐQT thông qua nội dung Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu và tối thiểu <b>10 ngày</b> trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	
	Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết của ĐHĐCĐ	Văn phòng Hội đồng quản Trị	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.	Trong thời hạn <b>24 giờ</b> kể từ khi kết thúc kiểm phiếu.	
22	Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Văn phòng Hội đồng quản Trị	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT	Trong vòng <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT và tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến trừ trường hợp Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	

23	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Phòng Kế toán	Trong thời hạn <b>01 ngày</b> kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký Báo cáo kiểm toán nhưng không được vượt quá <b>85 ngày</b> kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	
24	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	Văn phòng HĐQT	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT	Trong vòng <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT	
25	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất)	Văn phòng HĐQT	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT	Trong vòng <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT	
26	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Văn phòng HĐQT	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT	Trong vòng <b>24 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT	
<b>III</b>	<b>CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU</b>				
1	<b>Theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán khi:</b> Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;			Trong thời hạn <b>24 giờ</b> từ khi nhận được yêu cầu	
2	Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.			Trong thời hạn <b>24 giờ</b> từ khi nhận được yêu cầu	

IV	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC				
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành	Văn phòng HĐQT/Phòng Kế toán	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT/Cty kiểm toán ký Báo cáo về sử dụng vốn	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn phòng HĐQT cung cấp thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch</li> <li>- Phòng Kế toán cung cấp Báo cáo sử dụng vốn</li> </ul>
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty	Văn phòng HĐQT	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi nhận được công văn chấp thuận của UBCKNN	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	Văn phòng HĐQT	Trong vòng <b>20 giờ</b> kể từ khi thông qua Nghị quyết HĐQT	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	

## PHỤ LỤC 2: HƯỚNG DẪN CBTT CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

### 1. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty

- Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, UBCKNN theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.
- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN, SGDK ) theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

*Ghi chú: Không áp dụng CBTT đối với trường hợp cổ đông lớn thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.*

*Ví dụ: Nhà đầu tư A sở hữu 5,2% số lượng cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của tổ chức niêm yết X. Ngày T, ông A đặt lệnh giao dịch mua vào làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,2% lên 5,7%. Tiếp sau đó, vào ngày T', ông A đặt lệnh mua tiếp làm tăng tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu X từ 5,7% lên 6,1%. Giao dịch tại ngày T' đã làm cho tỷ lệ sở hữu cổ phiếu X của ông A thay đổi vượt qua ngưỡng 6%, do vậy, trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán, ông A phải công bố thông tin và báo cáo công ty X, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán về việc thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của mình.*

- Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng này.

### 2. Công bố thông tin về giao dịch của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ (sau đây gọi là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau

- Trước khi thực hiện giao dịch: Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, Người nội bộ của Công ty, Người có liên quan của Công ty và NCLQ của NNB phải CBTT và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này.
- Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu hoặc giao dịch chào mua công khai được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai.
- *NNB của Công ty, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB không được đồng thời đăng ký giao dịch mua và bán cổ phiếu trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.*
- Sau khi thực hiện giao dịch: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, NNB của Công ty, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo Quy chế này, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

### 3. Ghi chú

- NNB của Công ty, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.
- Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là NNB của Công ty, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định.
- Trường hợp Công ty chứng khoán là NCLQ của NNB của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và Công ty trong vòng 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.
- Trường hợp công ty mẹ của Công ty hoặc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ.
- Công ty công bố trên website của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu của NNB của Công ty, NCLQ của Công ty và NCLQ của NNB.



**PHỤ LỤC 3: CÁC MẪU BIỂU CBTT**

STT	Nội dung	Biểu mẫu CBTT
1	Báo cáo thường niên	<i>Phụ lục IV - Báo cáo thường niên - ban hành kèm theo Thông tư 96</i>
2	Bản cung cấp thông tin người nội bộ	<i>Phụ lục III – Bản cung cấp thông tin - ban hành kèm theo Thông tư 96</i>
3	Báo cáo quản trị bán niên/năm	<i>Phụ lục V – Báo cáo tình hình quản trị công ty - ban hành kèm theo Thông tư 96</i>
4	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/ số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành	<i>Mẫu số 01 - Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/ số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành - ban hành kèm theo Nghị định 155</i>
5	Thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết	<i>Phụ lục V – Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam về ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam và Công ty con</i>
6	Báo cáo về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn	<i>Phụ lục VII – Báo cáo về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn - ban hành kèm theo Thông tư 96</i>
7	Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng/giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1%	<i>Phụ lục VIII – Báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu - ban hành kèm theo Thông tư 96</i>
8	Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ trước khi thực hiện giao dịch	<i>Phụ lục XIII - Thông báo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ, người có liên quan của Người nội bộ - ban hành kèm theo Thông tư 96</i>
9	Báo cáo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ, người có liên quan của Công ty, người có liên quan của người nội bộ sau khi thực hiện giao dịch	<i>Phụ lục XV – Mẫu Báo cáo Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và Người có liên quan – ban hành kèm theo Thông tư 96</i>